

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm y tế quận Hồng Bàng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm Hóa chất xét nghiệm năm 2025-2026 (18 tháng) để phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Trung tâm y tế quận Hồng Bàng với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế quận Hồng Bàng.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Vũ Thị Hoa, Trưởng khoa Dược – TTB – VTYT, 0912976786, khoaduocTTYthongbang@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng văn thư, Trung tâm y tế quận Hồng Bàng: Số 34 đường Kỳ Đồng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng hoặc.
 - Nhận qua email: : khoaduocTTYthongbang@gmail.com (file báo giá được gửi dưới dạng PDF có đóng dấu và thêm file mềm Word hoặc Excell).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: trong thời gian 10 ngày kể từ ngày thông tin đăng tải thành công (Đăng tải trên Website của Trung tâm y tế quận Hồng Bàng).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Hóa chất xét nghiệm:

STT	Tên hóa chất xét nghiệm	Hãng sản xuất hoặc tương đương	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến 2025 - 2026 (18 tháng)	Đơn giá gồm VAT, chi phí vận chuyển,....
1	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"UOD >200 U/l POD >1000 U/l 4-AP 0.10 mmol/l Potassium ferrocyanide 6 umol/l solution containing Good buffer pH ≥7.8 DHS 2.0 mmol/l Hộp ≥ 500 mL (4 x 100 mL + 1 x 100 mL)"	Hộp	4	

2	Hóa chất xét nghiệm AST/GOT	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"L-Aspartate 200 mmol/l NADH 0.18 mmol/l MDH $\geq$ 400 U/l LDH $\geq$ 600 U/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l. Hộp $\geq$ 200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL)"	Hộp	90	
3	Hóa chất xét nghiệm GPT/ALT	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"L-Alanine 500 mmol/l NADH 0.18 mmol/l LDH $\geq$ 1.5 U/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l. Hộp $\geq$ 200 mL (4 x 40 mL + 1 x 40 mL)"	Hộp	90	
4	Hóa chất xét nghiệm Calcium	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"solution of 100 mg/l arsenazo III 1.4 g/l 8-hydroxyquinoline sulphonate in 100 mM Tris buffer, pH 8.5. Hộp $\geq$ 200 mL (4 x 50 mL)"	Hộp	5	
5	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"CHE $\geq$ 100 U/l CHOD $\geq$ 100 U/l POD $\geq$ 1000 U/l 4-AP 0.2 mmol/l. Hộp $\geq$ 400 mL (4 x 100 mL)"	Hộp	50	
6	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"12.7 mmol/l picric acid 8.4 mmol/l sodium lauryl sulphate solution. 53 mmol/l borate 970 mmol/l sodium hydroxide solution. Hộp $\geq$ 250 mL (2 x 100 mL + 2 x 25 mL)"	Hộp	34	
7	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"GOD (microbial) $\geq$ 10 kU/l POD (horse-radish) $\geq$ 1 kU/l 4-AP 0.5 mmol Phosphate . 100 mmol, pH 7.0 Hydroxybenzoate 12 mmol Độ lặp lại (Intra-assay precision): $\leq$ 1.39% Độ tái lặp (Inter-assay precision): $\leq$ 1.92%, Hộp $\geq$ 160 mL (4 x 40 mL)	Hộp	138	
8	Hóa chất xét nghiệm HDL- cholesterol	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"Cholesterol oxidase (<3000 U/l) Peroxidase (<5000 U/l) Catalase (<3000 U/l) N-ethylN- (2-hydroxy-3 sulfopropyl) -3-toluidine dinatri (TOOS) <1 mM Cholesterol esterase <3000 U/l 4-aminoantipyrine (4-AAP) <1 Mm. Hộp $\geq$ 72 mL (2 x 27 + 2 x 9 mL) + Cal"	Hộp	108	
9	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"Chlorophenol 2 mmol/l Lipoprotein lipase $\geq$ 800 U/l GK $\geq$ 500 U/l GPO $\geq$ 1500 U/l POD $\geq$ 900 U/l ATP 2 mol/l 4-AP 0.4 mmol/l Giới hạn phát hiện: 0.009 g/l Độ tuyến tính $\geq$ 10 g/l Độ tái lặp (Reproducibility): $\leq$ 0.5% Hộp $\geq$ 160 mL (4 x 40 mL)"	Hộp	118	

10	Chất hiệu chuẩn đa giá trị cho xét nghiệm sinh hóa	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"Chất hiệu chuẩn: huyết thanh đông khô có chứa các chất chuyển hóa với nồng độ thích hợp để đảm bảo hiệu chuẩn chính xác.A. Thuốc thử A:Dung dịch natri cacbonat 25 mmol / l, pH 10.Lọ ≥ 3 mL"	Lọ	10	
11	Chất kiểm chuẩn đa giá trị cho xét nghiệm sinh hóa	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"Mức kiểm soát 1: lọ ≥ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bình thường hoặc bình thường/bệnh lý ngưỡng của chất chuyển hóa và enzym. Mức kiểm soát 2: lọ ≥ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bệnh lý hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của các chất chuyển hóa và enzym. Bộ $\geq (1 \times 5\text{ml Nivel 1} + 1 \times 5\text{ml Nivel 2})$ "	bộ	12	
12	Hóa chất xét nghiệm Urea	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"Good buffer 250 mmol/l 2-Oxoglutarate 7.5 mmol/l Urease (Jack bean) $\geq 5,000$ U/l GLDH (microbial) ≥ 800 U/l NADH 0.28 mmol/l. Độ lặp lại: $\leq 2.01\%$; Độ tái lặp: $\leq 2.36\%$ Hộp ≥ 500 mL (4 x 100 mL + 4 x 25 mL)"	Hộp	18	
13	Hóa chất xét nghiệm CRP	Quimica Clinica Aplicada,S.A	"A. 1 x 4.0 ml Latex reagent. B. 1 x 0.5 ml Positive control. C. 1 x 0.5 ml Negative control. D. Slide and disposable stirrers. Hộp ≥ 100 test".	Hộp	12	
14	Dung dịch rửa sạch máy phân tích huyết học	Horiba	"Dung dịch rửa đậm đặc, dùng trong các trường hợp đặc biệt. . Hộp ≥ 500 ml"	Hộp	2	
15	Dung dịch rửa sạch máy phân tích huyết học	Horiba	"Hoá chất rửa thường quy dùng cho máy huyết học. Hộp ≥ 1000 ml"	Hộp	16	
16	Dung dịch pha loãng	Horiba	"Hoá chất pha loãng dùng cho máy huyết học. Hộp ≥ 20 lít"	Hộp	9	
17	Dung dịch ly giải sử dụng cho máy phân tích huyết học	Horiba	"Hoá chất ly giải hồng cầu, giải phóng HGB. Hộp ≥ 1000 ml"	Hộp	9	



18	Que thử nước tiểu	Kimball Electronics Poland Sp.Z.O.O	"Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, LeukoCyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin LeukoCyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL Hộp ≥ 100 test"	Hộp	73	
19	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học, nước tiểu	Sysmex corporation Ono Factory	"Công dụng: Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học, Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium hypochlorite 5%. Hộp ≥ 50mL"	Hộp	2	
20	Dung dịch pha loãng sử dụng cho máy phân tích huyết học	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	"Công dụng: Dung dịch pha loãng sử dụng cho máy phân tích huyết học Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 Thành phần: Sodium Chlorride 6.38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0.2 g/l, EDTA-2K 0.2 g/l Thùng ≥ 20 lít"	Thùng	5	
21	Dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	"Công dụng: dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/l và sodium chloride 0.6g/l Chai ≥ 500ml"	Chai	5	
22	Alcohol ethanol	MTI Dianostics	"Thuốc thử Alcohol ethanol Thành phần chính: Buffer pH 8.3 300 mmol/L NAD ⁺ 10 mmol/L Alcohol dehydrogenase (ADH) ³ 200 kU/L. Bộ ≥ (R1: 1x60ml + R2: 1x20ml)".	Hộp	4	
23	Nội kiểm máy huyết học (blood	SFRI	Dùng để kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu. Hộp ≥ (3 x 03 ml)	Hộp	4	
24	Nước rửa cho máy sinh hóa	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"Solución de Limpieza SE: dung dịch natri hypoclorit trong môi trường kiềm. Hộp ≥ 500 ml"	hộp	4	
25	Nước rửa máy sinh hóa	Wiener Laboratorios S.A.I.C	"5% KOH 1% Citrate buffer and surfactants Chai ≥ 2000 ml".	Chai	4	

26	HbA1c	EKF Diagnostic GmbH	Định lượng HbA1c trong máu người. - Thành phần: + Buffer: Ammonium Chloride: 0.54%, Sodium, Deoxycholate Monohydrate: 0.40%, Sodium Azide: Appropriate amount, Water: Appropriate amount. + Conjugate: Boronate conjugate: 11µg - Tương thích trên máy Quo-Lab A1c - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Test	2700	
27	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính	Siemens Healthcare Diagnostis Inc	Que thử chuẩn dương tính dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động. Thành phần có chứa: Glucose; crystalline bilirubin; sodium methyl acetoacetate; bovine hemoglobin; bovine serum albumin; sodium nitrite; protease. Hộp ≥ 25 que/ hộp.	Hộp	4	
28	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính	Siemens Healthcare Diagnostis Inc	Que thử chuẩn âm tính dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu tự động. Thành phần: Potassium phosphate monobasic and dibasic; sodium chloride; urea. . Hộp ≥ 25 que/ hộp.	Hộp	4	

2. Địa điểm giao hàng:

Địa điểm giao hàng: Kho Khoa Dược - Trung tâm y tế quận Hồng Bàng: Số 34 đường Kỳ Đồng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp hàng hóa theo quy định của Bộ Y tế.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Ghi theo thời gian dự kiến giao hàng, phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4. Các thông tin khác (nếu có).

(Đính kèm Giấy phép lưu hành của hàng hóa).

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Đăng tải Website của Trung tâm
- Lưu VT, KD

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
BS. Nguyễn Thị Thanh

